

Bản án số: 02/2018/HS-ST
Ngày 04-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC 2 - QUÂN KHU 7

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: 1// Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm quân nhân:

2// Trần Duy Đông;

4/ Đinh Xuân Hiệp.

Thư ký phiên tòa: 4/ Trần Hải Phong, Thư ký Tòa án quân sự Khu vực 2 - Quân khu 7.

Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 71 tham gia phiên tòa: 3// Nguyễn Thanh Hùng, Kiểm sát viên.

Ngày 04/4/2018, tại Hội trường Bệnh viện Quân y B, Cục C, Quân khu N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2017/HSST-TL ngày 22/12/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HS ngày 23/3/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Phước T**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 16/9/1998 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn D và bà Hồ Thị Kim C; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật; bị tạm giam từ ngày 10/10/2017 cho đến nay tại Trại tạm giam K35 – Quân khu 7: Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Quang V, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý tỉnh Đồng Nai: Có mặt.

Bị hại: Lê Nguyên P, sinh ngày 03/10/1997; nơi cư trú: thị trấn B, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; cấp bậc, chức vụ, đơn vị: nguyên là H1, chiến sỹ, Ban K, Bệnh viện Quân y B, Cục C, Quân khu N: Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Văn L, sinh năm 1993; nơi cư trú: số 4, đường L, khu phố S, thị trấn B, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Có mặt.

2. Trung tâm Y tế huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Địa chỉ: Quốc lộ T, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Vắng mặt.

3. Bệnh viện đa khoa R, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Địa chỉ: số 686, đường K, phường T, thành phố R, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Đại diện có ông Lê Minh H, Trưởng phòng K, theo sự ủy quyền của Giám đốc Bệnh viện: Có mặt.

4. Bệnh viện Quân y B, Cục C, Quân khu N. Địa chỉ: đường Q, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Đại diện có 3/ Đỗ Hữu M, Phó Giám đốc, theo sự ủy quyền của Giám đốc Bệnh viện: Có mặt.

Người làm chứng:

1. Nguyễn Tuấn N: Có mặt;
2. Nguyễn Đ: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 19/9/2017, Lê Nguyên P đến tiệm Internet HK thuộc khu phố S, thị trấn B, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để chơi game. Tại đây, P yêu cầu Nguyễn Phước T là người coi tiệm Internet tạo tài khoản hội viên mang tên “Phong Lê” với số tiền 20.000 đồng. Lúc này T đang ngồi đếm tiền tại máy tính chủ, P thấy T bận nên để tờ tiền 20.000 đồng lên phía trước bàn máy tính T đang ngồi rồi quay qua tủ lạnh lấy 01 chai nước ngọt rồi đặt lên bàn máy tính và chồm người về phía T ném thêm 10.000 đồng vào hộc bàn T đang ngồi. Thấy vậy T bức tức vì hành động của P nên đứng dậy quát “Mày dẫn mặt ai?” và đấm thẳng vào mặt P nhiều cái. P đỡ và đánh lại T. P và T đánh nhau trong tiệm Internet được một lúc thì T lấy 01 con dao thái lan cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại để trên bàn máy tính chủ tiến về phía P và đâm 01 nhát trúng vào bụng phần hạ sườn trái rồi rút dao ném xuống dưới đất. P lùi ra phía trước cửa tiệm. Lúc này P vẫn chưa biết mình bị đâm nên tiếp tục đánh nhau bằng tay không với T được một lúc thì được mọi người trong tiệm Internet phát hiện P bị chảy máu vùng bụng nên đã ra can ngăn và đưa P đi cấp cứu. T sợ bị đánh trả thù nên đã rời khỏi địa phương, ngày 23/9/2017 ra đầu thú.

Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người làm chứng khai nội dung sự việc như nêu trên. Người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo do Viện kiểm sát truy tố.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0791/GĐPY/2017 ngày 05/10/2017 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế Đồng Nai (Trang 21-22 hồ sơ) thể hiện Lê Nguyên P bị tổn thương thủng dạ dày đã phẫu thuật khâu dạ dày, tỷ lệ 31%; tổn thương thủng xuyên thấu gan đã phẫu thuật khâu gan cầm máu, tỷ lệ 35%; vết thương cung mày trái để lại sẹo kích thước 01x0,2cm và vết thương hạ sườn trái để lại sẹo kích thước 3,5x01cm, tỷ lệ 03%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 56%.

Bị cáo, bị hại, người bào chữa nhất trí với bản kết luận giám định pháp y về thương tích.

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tác động gia đình tự thỏa thuận bồi thường thiệt hại xong với bị hại tổng số tiền 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo và bị hại nhất trí với thỏa thuận bồi thường và không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Nguyễn Văn L xác nhận con dao bị cáo dùng để gây thương tích cho bị hại là của anh, dùng để gọt trái cây, nay không yêu cầu nhận lại dao.

Sau khi bị thương tích, bị hại Lê Nguyên P đã cấp cứu, điều trị tại Trung tâm Y tế huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu hết 316.072 đồng; tại Bệnh viện R, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu hết 13.149.006,42 đồng; tại Bệnh viện Quân y B, Cục C, Quân khu N hết 8.139.366 đồng. Trung tâm Y tế huyện M vắng mặt nhưng có văn bản xác nhận không yêu cầu bị cáo bồi hoàn.

Tại bản cáo trạng số 01/CT-KSDT ngày 21/12/2017, Viện kiểm sát quân sự Khu vực 71 truy tố Nguyễn Phước T về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Luận tội tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Phước T về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999; đồng thời phân tích các chứng cứ, tài liệu chứng minh hành vi phạm tội, tính chất tác hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Về hình sự: Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo từ 36 tháng đến 42 tháng tù. Về bồi thường thiệt hại, đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo Nguyễn Phước T với bị hại; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 590 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi hoàn cho các cơ sở y tế số tiền đã chi phí điều trị cho bị hại vì đây là tiền của Nhà nước. Về xử lý vật chứng, 01 (một) con dao thái lan bị cáo dùng gây thương tích cho bị hại, chủ sở hữu không có yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy. Về án phí, đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Văn L đều nhất trí với bản cáo trạng, luận tội của Kiểm sát viên. Tuy nhiên Bệnh viện Quân y B và Bệnh viện R không nhất trí với bản luận tội vì không có yêu cầu bị cáo bồi hoàn các chi phí đã điều trị cho bị hại.

Bào chữa cho bị cáo, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999. Ngoài ra, bị cáo là người thuộc hộ cận nghèo, lần đầu phạm tội, có nhân thân tốt, bị cáo phạm tội do xuất phát từ lỗi của bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 để quyết định mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Phước T xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 2 - Điều tra viên, Viện kiểm sát quân sự Khu vực 71, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 2, Điều tra viên, Viện kiểm sát quân sự Khu vực 71, Kiểm sát viên, người bào chữa. Do đó, hành vi và các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người bào chữa đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ và được chứng minh bằng các chứng cứ sau:

Bị cáo khai nhận tại phiên tòa: Vì bức tức trước hành động ném trả tiền của bị hại nên bị cáo đã dùng tay đánh vào mặt của bị hại vào phần mắt. Bị cáo tiếp tục đánh bị hại nhưng được bị hại đánh trả lại. Bị cáo lấy con dao thái lan để trên bàn máy tính chủ và đâm vào bụng trái của P rồi rút dao ném xuống đất. Sau khi gây thương tích cho bị hại, bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương.

Bị hại Lê Nguyên P khai tại phiên tòa: Vết thương ở bụng của tôi là do bị cáo dùng dao thái lan đâm. Còn vết thương trên mắt trái là do bị cáo dùng tay nắm nên rách da chảy máu. Lý do đánh nhau là do mâu thuẫn cá nhân giữa P và bị cáo, xuất phát từ việc P không đưa tiền tận tay cho bị cáo.

Lời khai người làm chứng Nguyễn Tuấn N tại phiên tòa và Nguyễn Đ vắng mặt tại phiên tòa (Trang 82-85 hồ sơ) xác nhận: Bị cáo là người cầm dao thái lan đánh nhau với bị hại, do diễn biến quá nhanh nên không thấy bị cáo đâm bị hại, nhưng căn cứ vào tình hình và diễn biến lúc đó chỉ có bị cáo và bị hại đánh nhau nên khẳng định bị cáo là người đâm bị hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Văn L khai: Không trực tiếp thấy bị cáo đâm P nhưng được bị cáo nhắn tin trên Facebook là chính bị cáo đã đâm P lòi ruột.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0791/GDPY/2017 ngày 05/10/2017 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế Đồng Nai (Trang 21-22 hồ sơ) xác định Lê Nguyên P tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 56%.

Theo biên bản về việc người phạm tội ra đầu thú (Trang 49 hồ sơ), thể hiện: Nguyễn Phước T đã ra trình diện và được Công an huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu lập biên bản về sự việc Nguyễn Phước T đã có hành vi gây thương tích cho Lê

Nguyễn P tại tiệm Internet HK thuộc khu phố S, thị trấn B, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hội đồng xét xử nhận thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng có mặt và vắng mặt, biên bản người phạm tội ra đầu thú, kết luận giám định pháp y về thương tích và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa đều phù hợp, có căn cứ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 19/9/2017, Lê Nguyễn P đến tiệm Internet HK thuộc khu phố S, thị trấn B, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để chơi game. Tại đây, do mâu thuẫn trước hành động ném trả tiền của Lê Nguyễn P nên Nguyễn Phước T đã dùng tay đánh vào mắt trái của P, P đỡ và đánh lại T, T lấy dao thái lan dài 22cm, lưỡi dao bằng kim loại, sắc nhọn đâm một nhát vào bụng phần hạ sườn trái rồi rút dao ném xuống dưới đất, được một lúc thì P lùi ra phía trước cửa tiệm, Hậu quả Lê Nguyễn P bị thương tích tỷ lệ 56%. T sợ bị đánh trả thù nên đã rời khỏi địa phương đến ngày 23/9/2017 thì ra đầu thú.

Vì mâu thuẫn cá nhân nên Nguyễn Phước T đã dùng tay và dao thái lan gây thương tích cho bị hại Lê Nguyễn P với tổng tỷ lệ thương tật là 56%. Theo hướng dẫn tại tiểu mục 3.1, mục 3 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì dao bị cáo sử dụng được xác định là hung khí nguy hiểm nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 có mức hình phạt nặng hơn điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên theo khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, thì hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Phước T được áp dụng theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Từ nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Phước T phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015. Quyết định truy tố của Viện kiểm sát cũng như luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản và các vấn đề khác là có căn cứ pháp luật.

[3] Trong quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại với bị hại. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương, nhưng đã ra đầu thú và được bị hại Lê Nguyễn P xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Về quan điểm của người bào chữa đề nghị áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ. Tuy nhiên, người bào chữa đề nghị áp dụng điểm o khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 và bị cáo phạm tội do xuất phát từ lỗi của bị hại là không có căn cứ, vì hành vi phạm tội của bị cáo đã bị mọi người

phát hiện, vì không thể trốn tránh nên bị cáo đã ra trình diện. Còn việc bị cáo phạm tội do xuất phát từ lỗi của bị hại thì đã được xem xét hành vi phạm tội của bị cáo không thuộc trường hợp với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội có tính chất côn đồ” theo điểm d khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999.

[4] Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an và an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức rõ hành vi dùng tay và dao gây thương tích cho người khác là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình.

[5] Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 nên Hội đồng xét xử thấy rằng đủ cơ sở áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo là người tuổi đời còn trẻ, khi phạm tội vẫn đang học phổ thông, lần đầu phạm tội, là người thuộc hộ cận nghèo nên Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình. Xét tính chất của vụ án, các tình tiết giảm nhẹ, hậu quả của vụ án thì cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian nhất định để có đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời răn đe, giáo dục người khác có ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Người bào chữa đề nghị áp dụng cho bị cáo Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc hộ cận nghèo là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về bồi thường thiệt hại:

- Trong quá trình điều tra vụ án, bị cáo Nguyễn Phước T đã tác động đến gia đình thỏa thuận bồi thường thiệt hại xong với bị hại Lê Nguyên P tổng số tiền 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra các bên nhất trí với thỏa thuận bồi thường và không có ý kiến gì khác. Hội đồng xét xử thấy đây là thỏa thuận tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên ghi nhận.

- Về chi phí điều trị cho bị hại, Trung tâm Y tế huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã chi phí hết 316.072 đồng; Bệnh viện R, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chi phí hết 13.149.000 đồng và Bệnh viện Quân y B, Cục C, Quân khu N đã chi phí hết 8.139.366. Các cơ sở y tế đều không yêu cầu bị cáo bồi hoàn các chi phí điều trị cho bị hại vì bị hại đã có bảo hiểm y tế. Hội đồng xét xử thấy đây là các chi phí hợp lý cho việc điều trị, là tiền của Nhà nước nên các cơ sở y tế không yêu cầu bồi hoàn lại là không có căn cứ pháp luật. Vì vậy, bị cáo phải có trách nhiệm bồi hoàn toàn bộ các chi phí để điều trị cho bị hại theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 590 Bộ luật Dân sự.

Bị cáo phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

[7] Về xử lý vật chứng:

01 (một) con dao dài 22cm, cán dao bằng gỗ dài khoảng 10cm, lưỡi dao bằng kim loại dài khoảng 12cm, chủ sở hữu là Nguyễn Văn L không có yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ

luật Tổ tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy (theo biên bản tạm giữ đồ vật, biên bản niêm phong vật chứng trang 39-40 hồ sơ) và biên bản mở niêm phong (trang 140 hồ sơ).

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Phước T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và $[(316.072 \text{ đồng} + 13.149.000 \text{ đồng} + 8.139.366 \text{ đồng}) = 21.604.438 \text{ đồng}] \times 5\% = 1.080.221 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phước T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Phước T 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 10/10/2017.

2. Về bồi thường thiệt hại:

- Ghi nhận bị cáo Nguyễn Phước T đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại xong với bị hại Lê Nguyên P tổng số tiền là 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 590 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Phước T phải bồi hoàn cho Trung tâm Y tế huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu số tiền 316.072 (Ba trăm mười sáu nghìn không trăm bảy mươi hai) đồng; bồi hoàn cho Bệnh viện R, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu số tiền 13.149.000 (Mười ba triệu một trăm bốn mươi chín nghìn) đồng; bồi hoàn cho Bệnh viện Quân y B, Cục C, Quân khu N số tiền 8.139.366 (Tám triệu một trăm ba mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi sáu) đồng.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của người thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ thi hành án chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy 01 (một) con dao thái lan (theo biên bản tạm giữ đồ vật, biên bản niêm phong vật chứng trang 39-40 hồ sơ) và biên bản mở niêm phong (trang 140 hồ sơ).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Nguyễn Phước T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.080.221 (Một triệu không trăm tám mươi nghìn hai trăm hai mươi một) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án (04/4/2018), bị cáo và đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm lên Tòa án quân sự Quân khu 7. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo phúc thẩm là mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- TAQSTW;	2
- TAQSQK7;	1
- THAQK7;	1
- PĐTHSQK7;	1
- VKSQSQK7;	1
- VKSQSKV71;	1
- ĐTHSKV2.QK7;	1
- Bị cáo;	1
- Người bào chữa;	1
- Đương sự;	5
- Lưu HSTHA;	1
- Lưu hồ sơ.	1

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1// Nguyễn Mạnh Cường